TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2019
V/v: không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Cho
2. Ông Nguyễn Phước Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn S, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp 5, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang "có đơn xin xét xử vắng mặt".

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp 5, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang "có đơn xin xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 27/8/2019 nguyên đơn ông Lê Văn S trình bày được tóm tắt như sau: Ông với bà P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm

được tiếng nói chung khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Hồng P.

Về con chung: Có 02 người con chung Lê Văn Đ (nam) sinh ngày 03/11/2003 và Lê Văn T (nam) sinh ngày 11/5/2012; hiện Lê Văn T được ông nuôi dưỡng nên khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lê Văn T và đồng ý giao cho bà P nuôi con chung tên Lê Văn Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, ông có đơn đề nghị về việc không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Hồng P có bản tự khai trình bày được tóm tắt như sau: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giống như ông S trình bày, bà đồng ý theo yêu cầu ly hôn của ông S.

Về con chung: Có 02 người con chung Lê Văn Đ (nam) sinh ngày 03/11/2003 và Lê Văn T (nam) sinh ngày 11/5/2012; khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Lê Văn Đ và đồng ý giao cho ông S nuôi con chung tên Lê Văn T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, bà có đơn đề nghị về việc không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là có căn cứ pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, tuyên xử không công nhận ông S và bà P là vợ chồng. Về con chung ghi nhận sự thỏa thuận của ông S và bà P, giao cho ông S được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn T (nam) sinh ngày 11/5/2012, bà P được quyền nuôi dưỡng con chung Lê Văn Đ (nam) sinh ngày 03/11/2003, ông S, bà P không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét; đề nghị buộc ông S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Văn S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà P nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về giải quyết nội vung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông S và bà P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, mặc dù có đủ điều kiện, thời gian để đăng ký kết hôn nhưng ông S, bà P chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông S và bà P là vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: Ông S và bà P không có tranh chấp về nuôi con mà thỏa thuận thống nhất ông S được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Văn T (nam) sinh ngày 11/5/2012; bà P được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Văn Đ (nam) sinh ngày 03/11/2003, việc thỏa thuận của ông S và bà P phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu Được và cháu Tây nên công nhận; do ông S, bà P không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông S và bà P không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Xét về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc ông S phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn S và bà Nguyễn Hồng P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn T (nam) sinh ngày 11/5/2012 cho ông Lê Văn S được quyền nuôi dưỡng; giao con chung Lê Văn Đ (nam) sinh ngày 03/11/2003 cho bà P được quyền nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông S và bà P không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0021787 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông S đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm